

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-PT  
Ngày: 15-6-2022  
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân.

*Các thẩm phán:*

1. Bà Phạm Thị Thùy Trang;

2. Ông Phan Thanh Tùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Đại Triều, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2020/TLPT-HN ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2022, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* anh Trần Thanh H, sinh năm 1978, cư trú tại: Số 93, đường Điện Biên Phủ, khu phố Ninh Tân, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trần Thanh H:* ông Phạm Lê Duy – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Đặng Minh Đăng thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1984, cư trú tại: Số 93, đường Điện Biên Phủ, khu phố Ninh Tân, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Trần Thanh H.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17-6-2021 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Thanh H trình bày:*

Anh H và chị H sống chung năm 2005, đến năm 2006 đăng ký kết hôn tại UBND phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống không còn hạnh phúc, chị H mâu thuẫn với mẹ chồng nên thường xảy ra bất đồng quan điểm. Nay anh H yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh, chị có 04 con chung tên Trần Duy Kh, sinh năm 2005, Trần Thị Thùy Tr, sinh năm 2007, Trần Đăng Kh, sinh năm 2012 và Trần Kim T, sinh năm 2014. Anh H yêu cầu nuôi 04 con, không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp không được quyền nuôi 04 con thì anh yêu cầu nuôi con chung tên Thùy Trang và Đăng Khôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày:* Chị H thống nhất như lời trình bày của anh H về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung.

Cuộc sống giữa anh, chị hạnh phúc không có mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 3 năm 2022, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:*

Căn cứ Điều 9, Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Thanh H yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Ngọc H. Anh Trần Thanh H và chị Lê Thị Ngọc H vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

### **2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:**

Không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09-3-2022, anh Trần Thanh H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, qua tranh luận, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H trình bày: cuộc sống chung của vợ chồng anh H và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng do chị H mâu thuẫn xúc phạm với mẹ chồng dẫn đến vợ chồng anh H cũng thường xuyên cãi vã và năm 2020 anh H đã nộp đơn ly hôn chị H, chị H xin đoàn tụ và cam kết với gia đình nhưng chị H không sửa đổi nên vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Do đó xét thấy quan hệ vợ chồng anh H và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh H và chị H được ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Con chung giao anh H nuôi 04 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp anh H không được quyền nuôi 04 con thì anh yêu cầu nuôi con chung tên Thùy Trang và Đăng Khôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Anh H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu ly hôn với chị H. Năm 2020 anh làm đơn ly hôn, chị H đã xin lỗi và cam kết sửa đổi tính tình nhưng vẫn tiếp tục cố chấp, áp đặt bởi vì sau khi xét xử sơ thẩm về chị H lại tiếp tục gây sự.

Chị H không chấp nhận ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn mà chị chỉ mâu thuẫn với mẹ chồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của anh H trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh H:

[2.1] Anh H, chị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, đến năm 2006 đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị H là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Vợ chồng anh H và chị H sống chung với mẹ chồng, chị H thừa nhận quá trình chung sống chị và mẹ chồng có nhiều bất hòa nên cuộc sống vợ chồng anh chị ảnh hưởng bởi mâu thuẫn của chị và mẹ chồng nhưng chưa đến mức trầm trọng nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H. Xét thấy vợ chồng anh H và chị H đều xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng là việc chị H thường xuyên có mâu thuẫn với mẹ chồng từ năm 2016 dẫn đến hai vợ chồng luôn bất hòa và thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến anh H đã nộp đơn ly hôn với Chị H, sau khi được chị H cam kết xin lỗi thì anh H rút đơn để hàn gắn gia đình nhưng chị H vẫn không thay đổi, không tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn, mà luôn có thái độ không tôn trọng gia đình dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm chị H cũng thừa nhận sau khi xét xử sơ thẩm anh H và chị cũng tìm cách hàn gắn gia đình nhưng khi mẹ chồng không cho anh chị ra riêng thì chị H lại tiếp tục gây sự với mẹ chồng dẫn đến vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên anh H kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị H. Phù hợp với lời trình bày của anh H và các chứng cứ thu thập người làm chứng (BL 99, 100, 101). Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh H, Chị H tuy xuất phát từ mâu thuẫn của mẹ chồng nhưng dẫn đến vợ chồng anh chị mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc vì thường xảy ra bất đồng quan điểm. Nên yêu cầu của anh H xin ly hôn với chị H là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, chấp nhận đơn kháng cáo của anh H và các luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền lợi của anh H, Sửa bản án sơ thẩm.

[2.3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh H. Cho anh H và chị H được ly hôn.

[2.4] Về con chung: xét nguyện vọng của các con và khả năng của anh H, chị H. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Giao 2 cháu Trần Duy Kh, sinh năm 2005 và Trần Kim T, sinh năm 2014 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao 2 cháu Trần Thị Thùy Tr, sinh năm 2007 và Trần Đăng Kh, sinh năm 2012 cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục .

Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.5] Tài sản chung, và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[2.6] Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh H được chấp nhận nên anh H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thanh H; Sửa bản án sơ thẩm.

2. Về quan hệ Hôn nhân: anh Trần Thanh H được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc H.

3. Về con chung: Giao Trần Đăng Kh, sinh năm 2012, Trần Thị Thùy Tr, sinh năm 2007 cho anh Trần Thanh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Trần Duy Kh, sinh năm 2005 và Trần Kim T, sinh năm 2014 cho chị Lê Thị Ngọc H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh H và chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được phép ngăn cản việc anh Trần Thanh H và chị Lê Thị Ngọc H quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung : hai đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Thanh H chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001558 ngày 28-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Trần Thanh H không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho anh Trần Thanh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000847 ngày 10-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Vân**

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Thanh H chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001558 ngày 28-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Trần Thanh H không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho anh Trần Thanh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000847 ngày 10-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Sơn      Nguyễn Quốc Tuấn**

**Trần Quốc Vũ**